

**DANH SÁCH SỔ BẢO DANH THÍ SINH THAM GIA VÒNG THI PHÒNG VẤN
ĐỢT XÉT TUYỂN ĐẶC CÁCH GIÁO VIÊN TRUNG HỌC CƠ SỞ HẠNG III (MS: V.07.04.12)**

STT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	GD PT	Trình độ chuyên môn cao nhất		Trình độ chuyên môn theo hợp đồng lao động		Chứng chỉ					Vị trí dự tuyển	Ngày ký Hợp đồng lao động	Thời gian đóng BHXH		Ưu tiên	Ghi chú
					Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Chức danh NN hạng	Nghị quyết vụ phạm	Khác			Mốc thời gian	Thời gian đóng BHXH liên tục đến 07/2020		
1	THCS 01	H' An Niê KDăm	20/02/1990	12/12	ĐH	SP Toán	ĐH	SP Toán	A2	ƯDCN TTCB	II			GVToán	20/08/2013	09/2013	6 năm 10 tháng	DTTS	
2	THCS 02	Nguyễn Phước Bảo Anh	10/03/1991	12/12	CD	SPToán-ly	CD	SP Toán-Lý	A2	ƯDCN TTCB	III			GVToán	10/10/2014	10/2014	5 năm 10 tháng		
3	THCS 03	Nguyễn Thị Lan Anh	02/10/1989	12/12	CD	SP GD Công nghệ	CD	SP GD Công nghệ	A2	ƯDCN TTCB	II			GVKỹ thuật Công nghệ	10/10/2014	10/2014	5 năm 10 tháng		
4	THCS 04	Nguyễn Thị Kim Chi	18/10/1991	12/12	ĐH; Thsỹ	SPToán	ĐH	SP Toán	B1	B	II			GVToán	15/04/2015	04/2015	5 năm 3 tháng		
5	THCS 05	Nguyễn Quang Chiến	12/10/1991	12/12	ĐH	Giáo dục thể chất	ĐH	Giáo dục thể chất	A2	ƯDCN TTCB	II			GVThể dục	01/07/2014	08/2014	5 năm 11 tháng		
6	THCS 06	Huỳnh Văn Dân	05/11/1992	12/12	ĐH	SP Vật lý	ĐH	SP Vật lý	A2	ƯDCN TTCB	II			GVVật lý	01/03/2015	03/2015	5 năm 4 tháng		
7	THCS 07	Nguyễn Thị Diễm	25/12/1992	12/12	ĐH	SP Vật lý	CD	SP Vật lý	B	ƯDCN TTCB	II			GVVật lý	20/08/2013	09/2013	6 năm 10 tháng		
8	THCS 08	Nguyễn Thị Dịu	04/07/1989	12/12	ĐH	SPVật lý	ĐH	SPVật lý	A2	A	II			GVVật lý	10/09/2011	09/2011	8 năm 10 tháng		
9	THCS 09	Nguyễn Thị Thùy Dung	03/07/1988	12/12	ĐH	Ngữ văn	ĐH	Ngữ văn	A2	A	II	CC NVSP		GV Ngữ văn	01/07/2014	11/2012	6 năm 7 tháng		



STT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	GD PT	Trình độ chuyên môn cao nhất		Trình độ chuyên môn theo hợp đồng lao động		Chứng chỉ					Vị trí dự tuyển	Ngày ký Hợp đồng lao động	Thời gian đóng BHXH		Ưu tiên	Ghi chú
					Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Chức danh NN hạng	Nghịệp vụ sư phạm	Khác			Mốc thời gian	Thời gian đóng BHXH liên tục đến 07/2020		
10	THCS 10	Võ Tiến Đạt	03/11/1989	12/12	ĐH	SPVật lý	ĐH	SPVật lý	B1	ƯDCN TTCB	II			GVVật lý	15/02/2012	09/2013	6 năm 10 tháng		
11	THCS 11	Lê Thị Thu Hà	09/07/1990	12/12	ĐH	SP TA	ĐH	SP Tiếng anh	B2	ƯDCN TTCB	II		TPháp - B	GV Tiếng anh	19/10/2012	11/2012	7 năm 8 tháng		
12	THCS 12	Phạm Thu Hà	12/11/1989	12/12	ĐH	SP Hóa	ĐH	SP Hóa	A2	ƯDCN TTCB	II			GVHóa học	20/08/2013	09/2013	6 năm 10 tháng		
13	THCS 13	Trần Thị Mỹ Hạnh	23/01/1991	12/12	ĐH	CNTT	CĐ	SP Tin học	A2		II	CC NVSP		GVTin học	20/08/2013	01/2013	7 năm 7 tháng		
14	THCS 14	Nguyễn Thị Thanh Hậu	15/07/1991	12/12	ĐH	SPTA	CĐ	SPTiếng anh	B2	ƯDCN TTCB	II	CC NVSP	TPháp - B	GV Tiếng anh	10/10/2014	10/2014	5 năm 9 tháng		
15	THCS 15	Ngô Thị Mỹ Hiệp	19/02/1986	12/12	ĐH	SPVật lý	ĐH	SPVật lý	A2	B	II			GVVật lý	10/09/2011	09/2011	8 năm 10 tháng		
16	THCS 16	Lê Thị Hiếu	16/07/1987	12/12	ĐH	SPTA	ĐH	SPTiếng anh	B2	A	II		TPháp - B	GV Tiếng anh	10/10/2014	10/2014	5 năm 10 tháng		
17	THCS 17	Trần Đặng Ngọc Hiếu	24/07/1988	12/12	ĐH	SP TDTT	ĐH	SP TDTT	A2	ƯDCN TTCB	II			GVThể dục	10/10/2014	10/2012	6 năm 6 tháng		
18	THCS 18	Võ Thị Hồng	24/08/1990	12/12	ĐH	SP Hóa	CĐ	SP Hóa-sinh	A2	ƯDCN TTCB	II			GVHóa học	10/09/2011	09/2011	8 năm 11 tháng		
19	THCS 19	Đinh Thị Kim Huệ	20/10/1990	12/12	ĐH	CNTT	CĐ	SPKTCN-Tin học	A2		II			GVTin học	10/09/2011	09/2011	8 năm 11 tháng		
20	THCS 20	Nguyễn Thị Tuyết Lành	02/01/1987	12/12	ĐH	SP Hóa	ĐH	SP Hóa	A2	ƯDCN TTCB	II			GVHóa học	01/03/2015	11/2010	6 năm 6 tháng		
21	THCS 21	Bảo Long	16/06/1991	12/12	ĐH	SP Toán	CĐ	SP Toán	A2	ƯDCN TTCB	II			GVToán	01/03/2015	03/2015	5 năm 5 tháng		



STT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	GD PT	Trình độ chuyên môn cao nhất		Trình độ chuyên môn theo hợp đồng lao động		Chứng chỉ					Vị trí dự tuyển	Ngày ký Hợp đồng lao động	Thời gian đóng BHXH		Ưu tiên	Ghi chú
					Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Chức danh NN hạng	Nghị quyết vụ	Khác			Mốc thời gian	Thời gian đóng BHXH liên tục đến 07/2020		
22	THCS 22	Hoàng Thị Năm	07/09/1986	12/12	ĐH	SP Hóa	ĐH	SP Hóa	A2	ƯDCN TTCB	II			GVHóa học	15/04/2015	04/2015	5 năm 3 tháng		
23	THCS 23	Nguyễn Thị Nga	16/08/1992	12/12	ĐH	SPTA	ĐH	SPTiếng anh	C1	ƯDCN TTCB	II		TPháp - B	GVTiếng anh	01/03/2015	03/2015	5 năm 5 tháng		
24	THCS 24	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	17/10/1992	12/12	ĐH	SP Toán	CĐ	SP Toán	A2	ƯDCN TTCB	II			GVToán	20/08/2013	09/2013	6 năm 11 tháng		
25	THCS 25	Nguyễn Thị Ngân	25/02/1989	12/12	ĐH	SP Hóa	ĐH	SP Hóa	A2	ƯDCN TTCB	II			GVHóa học	15/04/2015	05/2015	5 năm 02 tháng		
26	THCS 26	Nguyễn Thị Thanh Ngọc	15/10/1991	12/12	ĐH	SP Hóa	ĐH	SP Hóa	A2	ƯDCN TTCB	II			GVHóa học	01/03/2015	03/2015	5 năm 5 tháng		
27	THCS 27	Hoàng Thị Nguyệt	02/03/1992	12/12	ĐH	SP Toán	CĐ	SP Toán - Lý	A2	ƯDCN TTCB	II			GVToán	10/10/2014	11/2014	5 năm 8 tháng		
28	THCS 28	Phạm Thị Nhị	08/04/1990	12/12	ĐH	Sinh học	ĐH	Sinh học	A2	B	II	CC NVSP		GV Sinh học	20/08/2013	09/2013	6 năm 10 tháng	Con TB	
29	THCS 29	Nguyễn Thị Nhung	04/08/1987	12/12	ĐH	Toán - Tin	ĐH	Toán - Tin	A2	ƯDCN TTCB	II	CC NVSP		GVToán	19/10/2012	11/2011	8 năm 4 tháng	Con TB	
30	THCS 30	Đào Thị Nữ	16/04/1989	12/12	ĐH	SP Toán	ĐH	SP Toán	A2	B	II			GVToán	10/09/2011	09/2011	8 năm 10 tháng		
31	THCS 31	Vũ Thị Hoàng Oanh	09/02/1991	12/12	ĐH	Toán học	ĐH	Toán học	A2	B	II	CC NVSP		GVToán	04/03/2014	04/2014	6 năm 3 tháng		
32	THCS 32	Đặng Anh Phương	15/02/1985	12/12	ĐH	SP Toán	CĐ	SP Toán - tin	A2		II			GVTin học	10/09/2011	09/2011	8 năm 10 tháng		
33	THCS 33	Lang Thị Phương	15/06/1988	12/12	ĐH	SPLịch sử	ĐH	SPLịch sử	A2	ƯDCN TTCB	II			GVLịch sử	19/10/2012	11/2012	7 năm 9 tháng	DTTS	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	GD PT	Trình độ chuyên môn cao nhất		Trình độ chuyên môn theo hợp đồng lao động		Chứng chỉ					Vị trí dự tuyển	Ngày ký Hợp đồng lao động	Thời gian đóng BHXH		Ưu tiên	Ghi chú
					Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Chức danh NN hạng	Nghị quyết vụ	Khác			Mốc thời gian	Thời gian đóng BHXH liên tục đến 07/2020		
34	THCS 34	Nguyễn Thị Lan Phương	01/02/1993	12/12	ĐH	SP Vật lý	CĐ	SP Vật lý - Tin học	B	ƯDCN TTCB	II			GVVật lý	15/04/2015	05/2015	5 năm 02 tháng		
35	THCS 35	Hoàng Thị Sáu	25/06/1988	12/12	ĐH	SP Hóa học	ĐH	SP Hóa học	A2	ƯDCN TTCB	II			GVHóa học	15/04/2015	04/2015	5 năm 4 tháng		
36	THCS 36	Đào Khả Sơn	19/11/1989	12/12	ĐH; Thsỹ	Vật lý	ĐH	SPVật lý	B1	ƯDCN TTCB	II			GVVật lý	20/08/2013	01/2013	7 năm 4 tháng		
37	THCS 37	Nguyễn Thị Ánh Sương	21/09/1969	12/12	ĐH	SP Sinh		SP Sinh	B	ƯDCN TTCB	II			GVsinh học	05/09/1997	09/1997	22 năm 11 tháng		
38	THCS 38	Trần Thiên Tân	05/05/1991	12/12	ĐH	SP Vật lý	CĐ	SP Vật lý	A2	A	II			GVVật lý	01/03/2015	03/2015	5 năm 5 tháng		
39	THCS 39	Nguyễn Văn Thái	22/09/1992	12/12	ĐH	CNTT	ĐH	CNTT	A2		II	CC NVSP		GVTin học	10/12/2014	12/2014	5 năm 8 tháng		
40	THCS 40	Nguyễn Trọng Thành	01/02/1991	12/12	ĐH	Giáo dục thể chất	ĐH	Giáo dục thể chất	A2	ƯDCN TTCB	II			GVThể dục	04/03/2014	03/2014	6 năm 5 tháng		
41	THCS 41	Hàn Thị Thu Thảo	18/05/1988	12/12	CĐ	SPVăn-Địa	CĐ	SPVăn-Địa	A2	ƯDCN TTCB	III			GVĐịa lý	10/10/2014	10/2014	5 năm 10 tháng		
42	THCS 42	Thái Thị Thảo	04/09/1987	12/12	CĐ	SPVăn-Sử	CĐ	SP Văn-Sử	B	B	III			GVNgữ văn	10/10/2014	10/2014	5 năm 9 tháng		
43	THCS 43	Trần Thị Như Thảo	23/03/1989	12/12	ĐH	Ngôn ngữ Anh	ĐH	Ngôn ngữ Anh	B2	A	II	CC NVSP	TPháp - B	GV Tiếng anh	19/10/2012	11/2012	7 năm 9 tháng		
44	THCS 44	Trần Minh Thiệm	20/02/1982	12/12	ĐH	GDTC	CĐ	SPTDTT	A2	ƯDCN TTCB	II			GVThể dục	19/10/2012	09/2005	13 năm		
45	THCS 45	Lê Thị Kim Thủy	02/06/1989	12/12	ĐH	SPTA	ĐH	SPTiếng anh	B2	A	II		TPháp - B	GV Tiếng anh	20/08/2013	09/2013	6 năm 10 tháng		

STT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	GD PT	Trình độ chuyên môn cao nhất		Trình độ chuyên môn theo hợp đồng lao động		Chứng chỉ					Vị trí dự tuyển	Ngày ký Hợp đồng lao động	Thời gian đóng BHXH		Ưu tiên	Ghi chú
					Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Chức danh NN hạng	Nghề vụ sự phạm	Khác			Mốc thời gian	Thời gian đóng BHXH liên tục đến 07/2020		
46	THCS 46	Nguyễn Thị Thương	12/02/1990	12/12	ĐH	CNTT	ĐH	CNTT	A2		II	CC NVSP		GVTin học	20/08/2013	09/2013	6 năm 11 tháng		
47	THCS 47	Nguyễn Thị Thùy Trang	02/12/1990	12/12	ĐH	SPVật lý -Tin học	ĐH	SPVật lý -Tin học	A2	ƯDCN TTCB	II			GVVật lý	01/07/2014	07/2014	6 năm 01 tháng		
48	THCS 48	Nguyễn Thị Tuyết Trong	20/04/1992	12/12	ĐH	SP Hóa	ĐH	SP Hóa	A2	B	II			GVHóa học	01/03/2015	03/2015	5 năm 4 tháng		
49	THCS 49	Lê Vũ Tuấn	06/11/1989	12/12	ĐH	GDTC	ĐH	GDTC	A2	A	II			GVThế dục	20/08/2013	01/2013	7 năm 7 tháng		
50	THCS 50	Già Thanh Tuyền	11/04/1993	12/12	ĐH	CNTTin	CD	SPTin học	A2		II	CC NVSP		GVTin học	01/03/2015	03/2015	5 năm 4 tháng		
51	THCS 51	Trần Thị Tứ	09/02/1990	12/12	ĐH	CNTT	ĐH	CNTT	A2		II	CC NVSP		GVTin học	10/10/2014	10/2014	5 năm 10 tháng		
52	THCS 52	Nguyễn Thị Y Vân	20/09/1988	12/12	ĐH	Ngữ văn	ĐH	Ngữ văn	A2	ƯDCN TTCB	II	CC NVSP		GV Ngữ văn	04/03/2014	03/2014	6 năm 4 tháng		
53	THCS 53	Trịnh Thị Yến	02/02/1989	12/12	ĐH	SP Hóa	ĐH	SP Hóa	A2	ƯDCN TTCB	II			GVHóa học	04/03/2014	03/2014	6 năm 5 tháng		

Danh sách này có 53 thí sinh

THƯ KÝ



Nguyễn Thị Anh Trúc

Krông Ana, ngày 27 tháng 8 năm 2020
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN



Chữ tịch UBND huyện
Võ Đại Huế